



DOI:10.22144/ctu.jsi.2019.104

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TẠO LẬP VĂN BẢN THUYẾT MINH CHO HỌC SINH THÔNG QUA PHÂN TÍCH MẪU TRONG DẠY ĐỌC HIỂU

Nguyễn Thị Hồng Hạnh^{1*} và Đỗ Thanh An²

¹Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

²Trường THPT Lương Định Của

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Thị Hồng Hạnh (email: nthhanh@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 20/03/2019

Ngày nhận bài sửa: 11/06/2019

Ngày duyệt đăng: 22/07/2019

Title:

Improving competence of writing an explanatory text of students by sample analysis in teaching reading comprehension

Từ khóa:

Dạy đọc hiểu, dạy tạo lập, năng lực tạo lập, phân tích mẫu, văn bản thuyết minh

Keywords:

Reading comprehension teaching, writing competence, writing teaching, samples analysis, explanatory text

ABSTRACT

To create a certain type of text, students need to capture the characteristics of that type of text. These features need to be generalized from many sample texts, through the process of reading text. Therefore, the combination of teaching reading comprehension and teaching writing is essential and sample analysis is an effective measure. The analysis of texts available in textbooks (or selected by teachers) in the process of reading comprehension and modeling for the creation of similar texts has contributed to the development of the writing competence for learners, especially with explanatory text, a kind of highly objective informational text.

TÓM TẮT

Để tạo lập được một loại văn bản nào đó, học sinh cần nắm bắt được đặc trưng của loại văn bản ấy. Các đặc trưng này cần được khái quát từ nhiều văn bản mẫu, thông qua quá trình đọc hiểu văn bản. Do đó, sự kết hợp giữa dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản là yêu cầu tất yếu và phân tích mẫu là một biện pháp hiệu quả. Việc phân tích những văn bản có sẵn trong sách giáo khoa (hoặc do giáo viên lựa chọn) trong quá trình dạy đọc hiểu và làm mẫu cho việc tạo lập văn bản tương tự đã góp phần phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh, nhất là với văn bản thuyết minh, một loại văn bản thông tin mang tính khách quan cao.

Trích dẫn: Nguyễn Thị Hồng Hạnh và Đỗ Thanh An, 2019. Phát triển năng lực tạo lập văn bản thuyết minh cho học sinh thông qua phân tích mẫu trong dạy đọc hiểu. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(Số chuyên đề: Khoa học Giáo dục): 89-95.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn bản thuyết minh (VBTM) là một dạng của văn bản thông tin, loại văn bản có mục đích truyền tải thông tin về thế giới tự nhiên và xã hội. Theo *Sách giáo khoa Ngữ văn 10 (Ban cơ bản)*: “Văn thuyết minh nhằm giới thiệu, trình bày chính xác, khách quan về cấu tạo, tính chất, quan hệ, giá trị... của một sự vật, hiện tượng, một vấn đề thuộc tự nhiên xã hội và con người.” (Phan Trọng Luận, 2006, tr.165). Theo *Sách giáo khoa Ngữ văn 10*

(Nâng cao) tập 2: “Văn bản thuyết minh là văn bản giới thiệu, trình bày một sự vật, hiện tượng, vấn đề của tự nhiên, xã hội, con người nhằm cung cấp tri thức khách quan, chính xác cho người đọc.” (Trần Đình Sử, 2008, tr.11).

VBTM cần được trình bày chính xác, khoa học, chặt chẽ, đơn nghĩa, gần gũi với đời sống và phù hợp với người đọc cũng như đối tượng được giới thiệu. Ngôn ngữ của VBTM cũng cần hấp dẫn, có thể kết hợp với kể chuyện hoặc miêu tả hoặc sử dụng đa

dạng các phương pháp thuyết minh. VBTM có thể được kết cấu theo trật tự thời gian, trật tự không gian, theo trật tự logic hay trật tự hỗn hợp, kết hợp các loại trật tự trên. Trong VBTM, những hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ, ... mang tính xác thực và trực quan hỗ trợ rất tích cực cho người đọc trong quá trình giải mã thông tin.

Ở cấp trung học cơ sở, học sinh (HS) đã được tìm hiểu các đặc điểm của VBTM, cách viết một VBTM cụ thể, ... trong chương trình lớp 8, lớp 9. Ở cấp THPT, chủ yếu là lớp 10, Văn TM được mở rộng hơn bao gồm các lí thuyết về nội dung, phương pháp TM, các hình thức kết cấu, cách viết đoạn văn TM cụ thể, ... Kỹ năng thực hành được chú trọng hơn giúp HS có thể vận dụng lí thuyết để tự viết được một VBTM về một đối tượng cụ thể. Các tiết học dành cho VBTM chiếm tỉ lệ khá nhiều: 11 tiết/ 107 (tiết chuẩn của lớp 10) tỉ lệ 10, 28% trong khi các loại văn bản (VB) khác chiếm tỉ lệ thấp hơn: VB biểu cảm 0,93% (1/107 tiết); VB tự sự 7,47 % (8/107 tiết); VB nghị luận 8,41% (9/107 tiết). Tuy nhiên, sự phân bố các tiết học về văn TM còn rời rạc, cách giảng, đan xen với các bài học khác như: *Phú sông Bạch Đằng* (Trương Hán Siêu), *Đại Cáo Bình Ngô* (Nguyễn Trãi), ... Nội dung các bài học về văn TM lại không được minh họa hay được phân tích chi tiết bằng một hoặc hai VBTM mẫu mực. Nếu có VBTM mẫu, thì văn bản ấy chỉ minh họa được cho một đơn vị bài học như cách viết đoạn, cách liên kết ý, cách tạo sự hấp dẫn, ... Việc các phương pháp ấy, các đoạn văn ấy tồn tại trong chính thể VB như thế nào, cần liên kết, ghép nối với nhau ra sao trong các bài học không được đề cập đến. Điều này dẫn đến kiến thức của văn bản không được tiếp nhận một cách hệ thống. Trong khi đó, việc tiếp cận các bài học về VBTM không đơn thuần là quá trình đọc hiểu mà chính là quá trình học sinh học cách tạo lập một loại VB.

Phát triển năng lực tạo lập VB cho học sinh là điều hết sức cần thiết bao gồm khả năng viết, tổ chức, xây dựng một VB hoàn chỉnh, đúng quy cách và có ý nghĩa. Muốn có năng lực tạo lập VBTM, người học có thể học cách tạo lập dựa trên quá trình đọc hiểu VB. Nắm bắt được nội dung và đặc điểm của một loại VB nào đó, người học sẽ biết cách trình bày những nội dung tương tự dựa trên đặc điểm của loại VB ấy. Đây được gọi là phân tích mẫu (PTM), biện pháp giúp người học nhận diện các đặc điểm của mẫu VB, từ đó biết cách tạo lập VB theo các đặc trưng của mẫu.

Có nhiều quan điểm đã đề cập về PTM như lí thuyết "Cách học Hành vi" (behavioural learning) đã mô tả "*xác định mục tiêu, quan sát mẫu, phân tích mẫu rồi làm theo mẫu, cuối cùng là đánh giá*" (Nguyễn Quang Uẩn, 2010, tr.481), Phương pháp

dạy và học rèn luyện theo mẫu trong Làm văn "*Trong đó, GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm của mẫu, cơ chế tạo mẫu cũng như hướng dẫn HS viết cách tạo ra những lời nói, những phát ngôn, những đoạn văn, những VB theo định hướng của mẫu*" (Mai Thị Kiều Phương, 2009, tr.454) hay Kỹ thuật trình diễn, "*cách người dạy tiến hành các thao tác mẫu (thực tiễn và trí óc) để người học quan sát, nhận thức, ghi nhớ và làm theo các thao tác mẫu đó*" (Phan Trọng Ngo, 2005, tr.201).

Có thể nói, PTM là biện pháp dạy học trong đó, người dạy tiến hành phân chia đối tượng nhận thức (một mẫu tiêu biểu) thành nhiều bộ phận, nhằm hướng dẫn người học xem xét cụ thể từng bộ phận để chỉ ra mối quan hệ cấu thành và quan hệ nhân quả của đối tượng, từ đó, khái quát các đặc điểm của mẫu, cơ chế tạo mẫu để làm cơ sở giúp người học tạo ra những sản phẩm theo các định hướng của mẫu. Thực chất, PTM không phải là quá trình sao chép đơn thuần mà đòi hỏi cả người dạy và người học phải tiến hành tạo ra các sản phẩm mới dựa trên đặc điểm của mẫu.

Biện pháp PTM có nhiều ưu điểm như mang tính trực quan cao, góp phần phát huy tính tích cực, chủ động của người học trong việc chọn mẫu sau khi được GV hướng dẫn và giúp HS sẽ dễ dàng tiếp thu và sáng tạo được sản phẩm mới. Ngoài ra, các mẫu thường có tính chuẩn xác cao, đã được chọn lọc nên có thể được sử dụng nhiều lần, không chỉ trong một bài học mà là quá trình học liên tục.

Việc sử dụng biện pháp PTM đã được thực hiện khá nhiều trong dạy đọc hiểu và tạo lập văn bản văn học. Trong *Tiếp nhận văn chương và dạy đọc hiểu văn bản*, Nguyễn Thị Hồng Nam đã nghiên cứu đặc trưng của hoạt động tiếp nhận VB, các đặc trưng của dạy đọc hiểu VB, có sự so sánh với cách dạy đọc hiểu VB của các nước khác trên thế giới. Ngoài ra, tác giả cũng nêu rõ "*giờ đọc hiểu được tích hợp với giờ viết, cụ thể là sau khi học một số văn bản, HS sẽ được yêu cầu sáng tạo văn bản mới, tương tự văn bản đã học*" (Nguyễn Thị Hồng Nam, 2010, tr.33). Điều này đã chỉ ra mối liên hệ giữa quá trình đọc VB với quá trình tạo lập VB. Người học cần có những hiểu biết chi tiết cụ thể về một VB thì mới có thể tạo lập được loại VB đó và điều này cũng hoàn toàn đúng với văn bản thuyết minh.

Nhằm bổ sung sự thiếu hụt những VBTM mẫu chuẩn trong sách giáo khoa (SGK), GV có thể chọn mẫu VB ngoài SGK, có thể gắn với địa phương hoặc những vấn đề có tính thời sự để HS dễ lĩnh hội. Quá trình PTM cần gắn kết lí thuyết và thực hành. Dựa trên VB mẫu, GV tổ chức cho HS dùng lí thuyết về VBTM để nhận diện được những đặc điểm của loại

VBTM mẫu trong quá trình đọc hiểu, từ đó tạo lập nên VB mới của bản thân về một chủ đề tương tự.

Kết hợp PTM trong dạy đọc hiểu với dạy tạo lập văn bản là một cách làm hiệu quả trong dạy tạo lập văn bản, trong đó có VBTM, góp phần phát triển năng lực tạo lập văn bản thuyết minh của học sinh THPT nói chung và HS lớp 10 nói riêng. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm hướng đến mục tiêu làm rõ hiệu quả ấy, thể hiện qua kết quả thực nghiệm đối với HS lớp 10 trường THPT Lương Định Của, thành phố Cần Thơ, qua đó, đưa ra một gợi ý giúp giáo viên phát triển năng lực tạo lập VBTM cho HS.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế và tổ chức các hoạt động thực nghiệm nhằm xác định hiệu quả của biện pháp phân tích mẫu trong dạy đọc hiểu VBTM đối với năng lực tạo lập văn bản thuyết minh của HS.

* **Đối tượng thực nghiệm:** chọn lớp thực nghiệm là lớp 10A1 Trường THPT Lương Định Của, thành phố Cần Thơ (sĩ số 43, nữ 27, nam 16), là lớp cơ bản, HS có đủ loại học lực: khá, trung bình, yếu để có thể đánh giá hiệu quả tác động của biện pháp PTM trong quá trình dạy đọc hiểu VBTM ở nhiều đối tượng khác nhau.

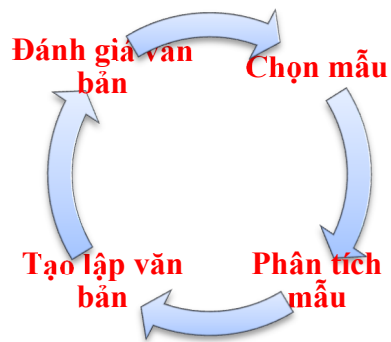
* **Nội dung thực nghiệm:** chọn dạy thực nghiệm các bài học về VBTM nằm ở đầu chương trình học kì 2, lớp 10 (ban Cơ bản), gồm 5 đơn vị bài học (3 bài lí thuyết, 2 bài viết): *Các hình thức kết cấu và các phương pháp thuyết minh; Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn – Ngô Sĩ Liên*; *Trà bài viết số 5; Cần Thơ – Sơn Nam*, *Trà bài viết số 6*. Hai VB đọc hiểu gồm 1 VB trong SGK, tiêu biểu cho việc thuyết minh về nhân vật, và 1 VB tiêu biểu cho thuyết minh về đối tượng, sự vật, ngoài SGK, có sự gần gũi với đối tượng thực nghiệm. Từ việc phân tích 2 VB mẫu, HS sẽ học cách tạo lập VB tương tự trong bài viết số 5 và bài viết số 6.

* **Thời gian thực nghiệm:** 4/1/2017 – 9/3/2017 (tương ứng với thời gian tiên hành trên lớp các hoạt động khác nhau trong SGK). Do các đơn vị bài học của phần làm văn được phân phối 1 tiết dạy trên lớp nên không thể tổ chức hết tất cả các hoạt động vừa PTM vừa tạo lập VB. Vì thế, việc hướng dẫn cho HS thực hành trong những tiết học chính khóa buổi sáng được kết hợp hướng dẫn cho HS ở những tiết bám sát, tiết luyện tập buổi chiều, và cả thời gian HS ở nhà, đồng thời kết hợp hướng dẫn HS qua các trang mạng xã hội. Điều này vừa tạo sự gần gũi giữa GV với HS vừa nhắc nhở các em không quên nhiệm vụ học tập của mình.

* **Quy trình thực nghiệm**

Để tổ chức thực nghiệm (TN) hướng dẫn HS phân tích mẫu nhằm phát triển năng lực tạo lập VBTM, quy trình (Hình 1) được thiết lập bao gồm 4 bước sau:

- Bước 1: Lựa chọn mẫu. Bài học mẫu cần hội tụ đủ các yêu cầu về mẫu chuẩn. GV thiết kế các hoạt động dạy học và đánh giá.
- Bước 2: Phân tích và khái quát hóa mẫu đã chọn.
- Bước 3: Tạo lập văn bản từ mẫu đã phân tích, GV hướng dẫn HS chú trọng kiến thức quy trình viết văn.
- Bước 4: Đánh giá văn bản tạo lập. GV thiết kế tiêu chí đánh giá năng lực tạo lập VBTM.



Hình 1: Quy trình dạy đọc hiểu và tạo lập VBTM

Bên cạnh đó, phương pháp quan sát cũng được kết hợp để nhận ra những chuyên biến của HS. Các số liệu thu thập được từ 86 bài kiểm tra, 60 phiếu học tập của học sinh, 3 biên bản dự giờ và nhật kí dạy học của giáo viên trong suốt quá trình thực nghiệm được xử lý bằng phương pháp thống kê kết hợp so sánh, đối chiếu.

3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Tổ chức hướng dẫn HS phân tích mẫu và tạo lập VBTM

Trong quá trình thực hiện bước PTM, GV và HS đều có nhiệm vụ quan trọng. GV giữ nhiệm vụ trọng tâm là lựa chọn mẫu với những tiêu chuẩn cụ thể, từ đó định hướng quá trình PTM. HS sẽ thực hiện thao tác PTM trên lớp thông qua việc tìm hiểu về mẫu, nhận diện đặc điểm của mẫu, cũng như hỗ trợ hoàn chỉnh mẫu. Khi đã PTM thuần thục, HS có thể cân nhắc, chọn lựa cho mình một mẫu khác tương tự mẫu GV đã gợi dẫn. Quá trình thực nghiệm kết hợp PTM trong dạy đọc hiểu và tạo lập VBTM trong chương trình Ngữ Văn lớp 10 được thể hiện chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Các bước dạy đọc hiểu và tạo lập VBTM

Bước	Tổ chức hướng dẫn HS
	Hoạt động (HD) khởi động: Tiết 1 của chuyên đề:
Bước 1. Lựa chọn bài học mẫu	<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu bài học. - HS thực hiện các bước chuẩn bị bài học theo phiếu học tập (PHT) hoặc hướng dẫn của GV. - GV thông qua các tiêu chí đánh giá sản phẩm.
	HD PTM: Từ tiết thứ 2
Bước 2. Phân tích mẫu	<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS PTM: phân tích các đặc điểm của VBTM, các chi tiết hay, hình ảnh đặc sắc trong VB, nhận xét cách viết của tác giả, ... - HS tìm hiểu chi tiết đặc điểm nội dung và hình thức; khái quát đặc điểm của VBTM bằng cách thực hiện các PHT và trao đổi thảo luận trong nhóm, thuyết trình, ... - GV giám sát, hỗ trợ điều chỉnh cách hiểu, cách trả lời của HS về văn bản và đánh giá trong thực nghiệm.
	HD “chuyển mẫu” (áp dụng cấu trúc của mẫu trong đọc hiểu vào tạo lập VBTM) : Từ tiết thứ 3 trở đi
Bước 3. Tạo lập VBTM	<ul style="list-style-type: none"> - GV ra đề bài viết - HS tìm hiểu đề bài, lập dàn ý, tìm ý, tìm kiếm thu thập dữ liệu chuẩn bị cho bài viết. - GV giám sát, hỗ trợ, HS chuẩn bị sản phẩm.
	HD kết thúc: Tiết cuối cùng của chuyên đề
Bước 4. Đánh giá sản phẩm	<p>HS trình bày, nộp lại bài viết. GV và HS cùng thực hiện đánh giá dựa trên tiêu chí đánh giá năng lực tạo lập VBTM.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV có thể đánh giá qua các câu hỏi thảo luận khi xây dựng đề tài cho bài viết và tìm hiểu các nội dung của đề tài. - GV đánh giá sau thực nghiệm (Bài kiểm tra).

Bảng mô tả tổng quát 5 mức NL tạo lập VBTM (Bảng 2) theo từng nội dung cụ thể được thiết kế, có thể áp dụng cho yêu cầu thuyết minh về đồ vật, một

danh nhân hay một đặc sản địa phương để phục vụ cho việc đánh giá giai đoạn trước, trong và sau thực nghiệm.

Bảng 2: Mô tả tổng quát 5 mức độ NL tạo lập VBTM của HS THPT

Mức độ	Mô tả tổng quát
Kém	<ul style="list-style-type: none"> - HS không nêu được những thông tin cơ bản về đối tượng thuyết minh. - HS không xác định đúng phương thức biểu đạt, không triển khai được bài làm.
Yếu	<ul style="list-style-type: none"> - HS có thể nêu được một vài thông tin sơ lược ban đầu về đối tượng. - HS không diễn đạt được rõ ràng nội dung thuyết minh, chưa sắp xếp được các ý trong VB để tạo lập VB hoàn chỉnh.
Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày được một số nội dung cơ bản về đối tượng nhưng chưa thật đầy đủ, - HS sử dụng phương thức biểu đạt phù hợp, bước đầu hình thành được bố cục văn bản nhưng sắp xếp chưa thật logic, diễn đạt, lập luận chưa chặt chẽ, mạch lạc.
Khá	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày được những nội dung quan trọng về đối tượng với phương thức biểu đạt phù hợp. - HS triển khai các vấn đề theo một bố cục tương đối rõ ràng, có sự liên kết chặt chẽ, diễn đạt tương đối mạch lạc.
Giỏi	<ul style="list-style-type: none"> - HS chủ động tìm kiếm nguồn thông tin, tài liệu, có thêm những thông tin đắt giá về đối tượng. - HS xây dựng được bố cục chặt chẽ, sắp xếp thông tin một cách logic, hiệu quả, diễn đạt có đọng, hàm súc, biết cách tạo liên tưởng, so sánh, mở rộng vấn đề một cách sáng tạo.

Để đánh giá năng lực tạo lập VBTM, bảng tiêu chí đánh giá cụ thể làm cơ sở để đánh giá bài kiểm

tra được thiết kế và cung cấp cho HS, ví dụ như tiêu chí đánh giá văn bản thuyết minh về một danh nhân trong Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3: Tiêu chí đánh giá năng lực tạo lập văn bản thuyết minh (về một danh nhân)

Tiêu chí	Yêu cầu	Điểm tối đa	Điểm đạt
I. Dẫn dắt (15 điểm)	1. Chữ viết rõ ràng, dễ đọc ,	5 đ	
	2. Viết đúng chính tả, ngữ pháp	5 đ	
	3. Sử dụng từ ngữ phù hợp phương thức thuyết minh	5 đ	
II. Tổ chức (25 điểm)	1. Bố cục: 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài)	5 đ	
	2. Trình bày: Ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc	5 đ	
	3. Các đoạn có sự thống nhất và phát triển về nội dung	5 đ	
	4. Có sự liên kết giữa các câu trong đoạn , các đoạn trong bài , giữa các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ trong bài	5 đ	
	5. Vận dụng hiệu quả các phương pháp thuyết minh, các hình thức kết cấu thuyết minh	5 đ	
III. Nội dung (60 điểm)	1. Mở bài: Giới thiệu được vấn đề rõ ràng và hiệu quả	5 đ	
	2. Thân bài:		
	2.1. Trình bày về cuộc đời của danh nhân	10 đ	
	2.2. Trình bày sự nghiệp của danh nhân	10 đ	
	2.3. Những đóng góp của danh nhân đối với địa phương	10 đ	
	3. Mỗi đoạn trình bày trọng vẹn một nội dung (cuộc đời, sự nghiệp, đóng góp...) với những dẫn chứng thực tế, sinh động, hấp dẫn	5 đ	
	4. Đảm bảo hiệu quả của các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, biểu bảng...) trong bài viết	5 đ	
5. Nội dung toàn bài đảm bảo tính chuẩn xác, khoa học và khách quan	5 đ		
6. Nội dung toàn bài thuyết phục và hấp dẫn người đọc	5 đ		
7. Kết bài: Nhấn mạnh sự độc sắc của đối tượng được thuyết minh, vai trò, ý nghĩa của danh nhân đối với địa phương và cộng đồng.	5 đ		
Điểm toàn bài (Sẽ được quy đổi về điểm 10)		100 đ	

3.2 Kết quả thực nghiệm

Các kết quả thực nghiệm tổng hợp được trình bày trong Bảng 4 thông qua điểm số của bài kiểm tra và Bảng 5 thông qua các tiêu chí đánh giá.

So sánh kết quả kiểm tra trước và sau thực nghiệm cho thấy số lượng HS đạt điểm ở mức khá và trung bình tăng lên, số HS ở mức yếu giảm rõ rệt. Tuy chưa có HS đạt mức giỏi (vì ban đầu lớp cũng không có đối tượng này), nhưng nhìn chung các em đã thật sự có tiến bộ.

Bảng 4: So sánh kết quả khảo sát trước và sau thực nghiệm

Xếp loại	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Số lượng, Tỷ lệ Trước thực nghiệm	0.00	7 = 16.3%	19 = 44.2%	17 = 39.5%	0.00
Số lượng, Tỷ lệ Sau thực nghiệm	0.00	12 = 27.9%	23 = 53.5%	8 = 18.6%	0.00

So sánh năng lực tạo lập VBTM của HS dựa trên các tiêu chí đánh giá cho thấy HS có sự tiến bộ. Kết quả Bảng 5 so sánh năng lực tạo lập VBTM của HS,

thể hiện qua các tiêu chí cơ bản được áp dụng cho việc đánh giá, bao gồm HS tự chấm bài, HS chấm bài cho nhau và GV chấm bài của HS.

Bảng 5: So sánh kết quả dựa trên tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Trước TN	Trong TN	Sau TN
1. Bố cục bài viết đầy đủ, rõ ràng	48%	80%	100%
2. Nội dung bài viết đảm bảo tính chuẩn xác, khoa học, khách quan.	51%	90%	100%
3. Nội dung bài viết chặt chẽ, mạch lạc	42%	65%	80%
4. Vận dụng hiệu quả nguồn tài liệu thu thập được trong bài viết	30%	55%	87%
5. Vận dụng phù hợp các phương pháp TM, các hình thức kết cấu TM	30%	57%	85%
6. Diễn đạt sinh động hấp dẫn, thuyết phục	32%	70%	80%

Bên cạnh dữ liệu chính là bài kiểm tra còn kết hợp tham khảo các PHT và biên bản dự giờ. Các phiếu học tập thu thập được từ giờ đọc hiểu cho thấy HS có tiến bộ trong việc nhận diện được đặc điểm của VBTM từ nội dung đến hình thức, kết cấu, góp phần cải thiện khả năng vào phần tạo lập VB, đặc biệt là giúp HS xác định đúng đối tượng và phương pháp thuyết minh phù hợp, biết cách tổ chức bố cục của VBTM. GV chỉ cần chú ý thêm trong việc hướng dẫn các em tìm kiếm được những tài liệu có giá trị và không đạo văn, biết cách diễn đạt mạch lạc và hấp dẫn. Trong các biên bản dự giờ, đa số các giáo viên đều cho rằng kết hợp PTM trong dạy đọc hiểu với dạy tạo lập VBTM là một phương pháp hoàn toàn phù hợp, giúp HS tăng cường hứng thú học tập, tích cực hơn hoạt động nhóm, thảo luận góp ý sôi nổi và hiệu quả hơn, nhờ đó, thao tác PTM dần thuần thục hơn và việc tạo lập VBTM dần trở nên dễ dàng hơn đối với HS.

Như vậy, quy trình xây dựng và tổ chức hướng dẫn học sinh tạo lập VBTM thông qua biện pháp PTM trong dạy đọc hiểu VBTM ở học sinh lớp 10 bước đầu mang đến hiệu quả trong phát triển năng lực tạo lập văn bản cho HS cần GV thực hiện cả một quy trình, từ hướng dẫn, làm mẫu, phân tích, góp ý và đánh giá mới giám sát được quá trình phát triển năng lực của HS nói chung và sự tiến bộ của từng HS nói riêng. Quy trình tổ chức hướng dẫn HS PTM như trên chỉ là một trong rất nhiều cách giúp HS rèn luyện kỹ năng tạo lập VBTM. Mỗi giáo viên có thể thiết lập và thực hiện theo những cách thức và trình tự khác nhau, tùy thuộc vào đối tượng HS và điều kiện dạy học, ... Trong tương lai, nội dung cụ thể của các bài học có thể sẽ thay đổi nhưng VBTM nói riêng và văn bản thông tin nói chung vẫn luôn là một nội dung quan trọng trong chương trình môn Ngữ Văn và là hành trang cho HS bước vào đời, nơi mà họ sẽ hằng ngày tiếp xúc với loại văn bản này.

4 KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc tổ chức hướng dẫn HS phân tích mẫu trong dạy đọc hiểu VBTM không chỉ góp phần phát triển năng lực đọc hiểu VB mà còn phát triển năng lực tạo lập VB cho HS. HS đọc VB không chỉ tiếp nhận những thông tin được

chứa đựng trong đó mà còn nhìn thấy được cách suy động, sắp xếp và truyền tải thông tin một cách hiệu quả nhất. Học tập kinh nghiệm của các tác giả, bắt chước các văn bản mẫu chính là con đường ngắn nhất để HS có thể tạo lập một văn bản tương tự. VBTM không đòi hỏi quan điểm chủ quan và dấu ấn sáng tạo cá nhân nhiều như văn bản văn chương và văn bản nghị luận, do đó, phân tích mẫu là một phương pháp phù hợp. Hơn nữa, phương pháp này phát huy tác dụng trong giai đoạn khởi đầu, làm cơ sở cho những giai đoạn tiếp theo, khi giáo viên kết hợp với một số phương pháp khác để phát huy năng lực sáng tạo của người học. Với đối tượng HS có lực học trung bình - khá, phương pháp này đem lại hiệu quả trong việc trang bị cho họ kỹ năng đọc hiểu và tạo lập một loại văn bản thông dụng, cái mà họ sẽ tiếp xúc rất nhiều trong đời sống cũng như trong công việc sau này cho dù họ có theo đuổi con đường học vấn hay không. Trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn (2018) của Việt Nam, văn bản thông tin (bao gồm VBTM) được đưa vào giảng dạy nhiều hơn, tiếp cận với chương trình đào tạo của các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Kết quả nghiên cứu này sẽ tiếp tục phát huy hiệu quả trong việc dạy học theo hướng phát triển năng lực cho người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phan Trọng Luận (tổng chủ biên), 2006. Sách Giáo khoa Ngữ văn 10, tập 2, NXB. Giáo dục, 162 trang.

M.A. Đaniłóp, M.N. Xcatkin (Đỗ Thị Trang, Nguyễn Ngọc Quang dịch), 1980. Lí luận dạy học của trường phổ thông – Một số vấn đề của Lí luận dạy học hiện đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 204 trang.

Nguyễn Thị Hồng Nam (2010). Tiếp nhận văn chương và dạy đọc hiểu văn bản, Tạp chí Giáo dục số 250, kì 2: 31 – 34.

Phan Trọng Ngọc, 2005. *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 495 trang.

Mai Thị Kiều Phương, 2009. *Giáo trình Phương pháp dạy và học Làm văn*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 515 trang.

Lê Xuân Soan, 2009. *Giảng dạy Tập làm văn ở trường THCS*, NXB. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 205 trang.

Nguyễn Quang Uẩn, 2010. *Tuyển tập nghiên cứu về Tâm lí – Giáo dục*, NXB. Đại học Sư phạm Hà Nội, 518 trang.

Nguyễn Thị Ngọc Thúy, 2016. *Văn bản thông tin trong chương trình Ngữ Văn một số nước trên thế giới*.

<https://phuongphapgiangday.wordpress.com/2016/03/13/van-ban-thong-tin-trong-chuong-trinh-ngu-van-cua-mot-so-nuoc-tren-the-gioi/> Truy cập ngày 26.12.2018.

Bộ Giáo dục và đào tạo, 2018. *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn*.